

Số: 373 /BC-ĐKT

Nha Trang, ngày 24 tháng 6 năm 2021

## BÁO CÁO

### Công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm an toàn thực phẩm 6 tháng

#### I. Công tác chỉ đạo:

1. Kế hoạch số 109/UBND-YT về việc triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp tết Nguyên đán Tân Sửu và mùa Lễ hội Xuân năm 2021;

2. Công văn số 138/UBND ngày 08/01/2021 về việc phê duyệt kế hoạch kiểm tra an toàn thực phẩm trong dịp tết Nguyên đán Tân Sửu và mùa Lễ hội Xuân năm 2021;

3. Kế hoạch số 1731/UBND-YT ngày 23/03/2021 về việc triển khai công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2021 trên địa bàn thành phố Nha Trang;

4. Kế hoạch số 1835/UBND-YT ngày 29/03/2021 về việc triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2021;

5. Công văn số 2273/UBND-YT ngày 15/4/2021 về việc đảm bảo an toàn thực phẩm phục vụ bầu cử đại biểu quốc hội khóa XIV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;

6. Công văn số 2277/UBND-YT ngày 15/4/2021 về việc tăng cường đảm bảo an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm tại các cơ sở giáo dục;

7. Công văn số 2414/UBND-YT ngày 22/4/2021 về việc V/v đảm bảo an toàn thực phẩm phục vụ các hoạt động văn hóa nghệ thuật, du lịch, thể dục, thể thao năm 2021 trên địa bàn thành phố Nha Trang

#### II. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm:

1. Việc tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra

Tổng số các đoàn thanh tra, kiểm tra:

Trong đó:

1.1 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến tỉnh:

1.2 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến huyện: 01

1.3 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến xã: 27

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra:

TT	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở	Số CS được thanh, kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
1	Sản xuất, chế biến				

2	Kinh doanh				
3	Dịch vụ ăn uống (nhóm 2)	811	74	72	97,29%
4	Thức ăn đường phố và ăn uống nhỏ lẻ	1.244	1.050	882	84%
	<b>Tổng số (1 + 2 + 3)</b>	<b>2.055</b>	<b>1.124</b>	<b>954</b>	<b>84,88%</b>

Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với số được kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	1.124	
2	Số cơ sở có vi phạm	170	15,12%
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý	02	0,18%
	Trong đó:		
3.1	Hình thức phạt chính:		
	Số cơ sở bị cảnh cáo		
	Số cơ sở bị phạt tiền	02	0,18%
	Tổng số tiền phạt	18.000.000	
3.2	Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả		
*	Số cơ sở bị đóng cửa		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm		
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành		
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm		
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy		
*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn		
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu q/cáo		
	Số loại tài liệu q/cáo bị đình chỉ lưu hành		
*	Các xử lý khác		
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý		
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)	168	

Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu

TT	Nội dung vi phạm	Số CS được thanh tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật			
	Quy định về sử dụng chất cấm, thuốc kháng sinh trong chăn nuôi			
2	Điều kiện trang thiết bị dụng cụ			

3	Điều kiện về con người			
4	Công bố sản phẩm			
5	Ghi nhãn thực phẩm			
6	Quảng cáo thực phẩm			
7	Chất lượng sản phẩm thực phẩm			
8	Vi phạm khác khác (không có giấy chứng chứng cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; để cống rãnh thoát nước thải khu vực chế biến bị ứ đọng, không được che kín; niêm yết giá không rõ ràng gây nhầm lẫn khách hàng.	1.124	02	0,18%

Bảng 4 : Kết quả kiểm nghiệm mẫu :

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
1	Xét nghiệm nhanh	318	35	11%
	- Tinh bột	302	35	
	- Hàn the & Focmon	16	0	
2	Hóa lý			
2.1	Vi sinh			
2.2	Tổng số xét nghiệm tại labo			
	<b>Cộng</b>	<b>318</b>	<b>35</b>	<b>11%</b>

**Nơi nhận:**

- Chi cục ATVSTP tỉnh;
- Lưu VT.

**TM. ĐOÀN KIỂM TRA  
TRƯỞNG ĐOÀN**

**TRƯỞNG PHÒNG Y TẾ  
Ngô Thanh Quang**